

教養資料

Tài liệu giáo dục

2024年11月

Tháng 11, năm 2024

ベトナム版
～ Bản tiếng Việt ～

犯罪被害防止ハンドブック

Sổ tay phòng ngừa thiệt hại do tội phạm gây ra



Công an tỉnh Kochi

Phòng kế hoạch an toàn đời sống

高知県警察本部
生活安全企画課

《目次》 Mục Lục

- 【1】 家の中のものを盗まれないために・・・ P 1
1 Để đồ đạc trong nhà không bị lấy cắp
- 【2】 自転車、オートバイ、車を盗まれないために・・・ P 2
2 Để xe đạp, xe máy, ô tô không bị lấy cắp
- 【3】 路上でカバンや貴重品を盗まれないために・・・ P 3
3 Để túi xách, đồ quan trọng không bị lấy cắp trên đường
- 【4】 わいせつな被害に遭わないために・・・ P 4
4 Để không bị xâm hại tình dục
- 【5】 夫やパートナーから暴力被害に遭わないために・・・ P 5
5 Để không bị bạo lực bởi chồng hoặc nửa kia
- 【6】 子どもが犯罪の被害に遭わないために・・・ P 7
6 Để trẻ em không bị thiệt hại do tội phạm gây ra
- 【7】 サイバー犯罪に巻き込まれないために・・・ P 8
7 Để không bị vướng vào tội phạm công nghệ cao
- 【8】 嘘の電話やSNSで詐欺の被害に遭わないために P 11
8 Để không bị lừa đảo qua điện thoại hoặc tin nhắn
- 【9】 今、犯罪の被害にあった。警察を呼びたい・・・ P 15
(警察緊急通報110番)
9 Bây giờ, tôi là nạn nhân của tội phạm.
 Tôi muốn gọi cảnh sát
(Thông báo khẩn cấp cho cảnh sát, Số 110)

1

家の中のものを盗まれないために！



【侵入盗】

犯人があなたの家に無断で入ってお金や高価なものを盗むことがあります。

Phòng ngừa thiệt hại do trộm cắp

1 Để đồ đạc trong nhà không bị lấy cắp!!



【Hành vi xâm nhập vào nhà người khác để lấy cắp tài sản】

Có thể là tội phạm sẽ tự ý vào nhà bạn và lấy cắp tiền, đồ có giá trị cao.

～被害に遭わないポイント！～

- 出入口や窓は必ず鍵を！
- 外出する時は、家の周囲や近所に不審な車や人物がいないか確認！
- 新聞や郵便物をポストに溜めない！
- 窓の下に足場となる物を置かない！
- 合鍵を郵便受などの外に置かない！



～ Những điểm cần lưu ý để không bị thiệt hại ! ～

- Khóa cửa ra vào và cửa sổ cẩn thận !
- Khi ra ngoài, hãy kiểm tra xem xung quanh nhà mình có xe ô tô hoặc người lạ không !
- Không để báo và bưu phẩm trong hòm thư lâu !
- Không để thang hoặc các vật có thể dùng làm bệ để leo ở gần cửa sổ!

- Không để chìa khóa dự phòng ở hòm thư v.v. bên ngoài nhà!

盗みの被害防止

2

自転車、オートバイ、車を盗まれないために！



【乗り物盗】

犯人があなたの自転車、オートバイ、車を盗むことがあります。

Phòng ngừa thiệt hại do trộm cắp
2 Để xe đạp, xe máy, ô tô không bị lấy cắp!



【Hành vi lấy cắp xe cộ】

Có thể là tội phạm sẽ lấy cắp xe đạp, xe máy, xe ô tô của bạn.

～被害に遭わないポイント！～

- 止めたら必ずロック！
- ワイヤー錠やチェーン錠で二重にロックをしよう！
- 管理された駐輪場に駐めよう！
- オートバイに必ずハンドルロック！
- キーをつけたままにしない！



～ Những điểm cần lưu ý để không bị thiệt hại ! ～

- Khóa xe cẩn thận khi đỗ xe!
- Hãy khóa 2 lớp bằng khóa dây hoặc khóa chống trộm!
- Hãy đỗ xe ở nơi có người quản lý!

- Khóa cổ xe máy cẩn thận!
- Không cắm nguyên chìa khóa ở xe!

盗みの被害防止

3

路上でカバンや貴重品を盗まれないために！



【ひったくり】

犯人があなたの持っているカバンや貴重品を盗むことがあります。

Phòng ngừa thiệt hại do trộm cắp
3 Để túi xách, đồ quan trọng không bị lấy cắp trên đường !



【Hành vi cướp giật】

Có thể là tội phạm sẽ lấy cắp túi xách hoặc đồ có giá trị cao của bạn.

～被害に遭わないポイント！～

- バッグは肩から斜めにかける！
- 車道とは反対側にバックを持つ！
- 自転車のかごに防止カバー、ネットをつける！
- 暗い道を1人で歩かない！



～ Những điểm cần lưu ý để không bị thiệt hại ! ～

- Đeo túi xách chéo vai!
- Cầm túi xách ở bên ngược lại với đường ô tô!
- Lắp lưới, nắp chống trộm ở giỏ xe đạp!
- Không đi bộ 1 mình ở đường tối!



わいせつ被害防止

4

わいせつな被害に遭わないために！



【わいせつ事犯】

夜道を歩いている時や列車内での痴漢行為、スーパーでのスカート内の盗撮が発生しています。

Phòng ngừa thiệt hại do bị xâm hại tình dục
4 Để không bị xâm hại tình dục!



【Vụ án xâm hại tình dục】

Các hành vi xâm hại như sờ sờ người khác trên tàu hoặc khi đi bộ trong đêm tối, chụp trộm trong váy của người khác ở siêu thị, thường xảy ra.

～被害に遭わないポイント！～

- 暗い道、危険な場所は避けて通しましょう！
- 防犯ブザーやホイッスルを携帯しよう！
- 自分の周囲に不審な者が居ないか注意しよう！



～ Những điểm cần lưu ý để không bị thiệt hại ! ～

- Khi đi qua đường tối, hãy tránh những nơi nguy hiểm!
- Hãy mang theo còi, chuông chống tội phạm!
- Hãy kiểm tra xem xung quanh bạn có người lạ nào không!

暴力の被害防止

5

夫やパートナーから暴力被害に遭わないために！



【DV・ストーカー事犯】

夫やパートナーからの身体的な暴力（殴る、蹴る）、心理的な暴力（暴言を吐く、脅す）は、日本の法律に違反します。

Phòng ngừa thiệt hại do bị bạo lực

5 Để không bị bạo lực bởi chồng hoặc nửa kia !



【Vụ án bạo lực gia đình, bám theo phụ nữ】

Hành vi bạo lực thân thể（đánh, đá）và bạo lực tinh thần（mắng chửi, đe dọa）do chồng, nửa kia gây ra đều là hành vi vi phạm pháp luật Nhật Bản.

～被害に遭わないポイント！～

- 大きな声で助けを求める！
- 直ぐにその場から逃げる！
- 1人で悩まないで、相談をする！



～ Những điểm cần lưu ý để không bị thiệt hại ～

- Kêu cứu thật to!
- Chạy khỏi chỗ đó ngay lập tức!

○ Xin tư vấn từ người khác, không trăn trở 1 mình!

DV相談施設及び連絡先			
相談先	女性相談支援センター(配偶者暴力相談センター)	こうち男女共同参画センター「ソーレ」	最寄りの警察署
対象者	女性・DV被害者である男性	女性・男性(加害者・被害者とも)	被害者
電話番号	088-833-0783	○ 女性: 088-873-9555(相談電話) ○ 男性: 088-873-9100(予約電話)	○ 警察本部の総合相談係 (#9110又は088-823-9110) ○ 最寄りの警察署
相談時間	○ 月曜日から金曜日 9:00~22:00 (17:15~18:00を除く。) ○ 土曜日・日曜日・祝日 9:00~20:00 ○ 年末年始を除く	○ 女性: 9:00~12:00 13:00~17:00 ○ 男性: 第1・第3火曜日、第4水曜日 18:00~20:00 ○ 第2水曜日、祝日、年末年始を除く。	○ 24時間 (夜間、休日は当直員が受付) ○ 身に危険が迫っている場合等の 緊急な場合は、110番通報

Cơ sở tư vấn về bạo lực gia đình và thông tin liên lạc			
Nơi tư vấn	Trung tâm tư vấn dành cho phụ nữ (Trung tâm tư vấn về hành vi bạo lực bởi nửa kia)	Trung tâm bình đẳng giới Kochi "So-re"	Sở cảnh sát gần nhất
Đối tượng	Phụ nữ / Nam giới là nạn nhân của bạo lực gia đình	Phụ nữ / Nam giới (Người gây bạo lực / Nạn nhân)	Nạn nhân
Số điện thoại	088-833-0783	○ Phụ nữ: 088-873-9555 (Số điện thoại tiếp nhận tư vấn) ○ Nam giới: 088-873-9100 (Số điện thoại đặt trước)	○ Ban tư vấn tổng hợp của Công an tỉnh Kochi (#9110, 088-823-9110) ○ Sở cảnh sát gần nhất
Thời gian tư vấn	○ Từ thứ hai đến thứ sáu 9:00 ~ 22:00 (Trừ 17:15 ~ 18:00) ○ Thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ 9:00 ~ 20:00 ○ Trừ thời gian cuối năm cũ, đầu năm mới	○ Phụ nữ: 9:00 ~ 12:00 13:00 ~ 17:00 ○ Nam giới: Thứ ba tuần thứ nhất và tuần thứ ba, thứ tư tuần thứ tư 18:00 ~ 20:00 ○ Trừ thứ tư tuần thứ hai, ngày lễ, thời gian cuối năm cũ, đầu năm mới	○ 24 tiếng (Vào ban đêm và ngày nghỉ, người trực ban phụ trách tiếp nhận tư vấn) ○ Trong trường hợp khẩn cấp như bị nguy hại tới cơ thể, hãy gọi số 110

6

子どもが犯罪の被害に遭わないために！



【子供を対象とした事案】

子供が不審者に「声をかけられる。」「後をつけられる。」「連れて行かれる。」という被害があります。

Phòng ngừa thiệt hại cho trẻ em

6 Để trẻ em không bị thiệt hại do tội phạm gây ra !

【Vụ án có đối tượng là trẻ em】

Có thể là trẻ em sẽ bị người có hành vi mờ ám "bắt chuyện", "theo dõi", "bắt cóc".

～被害に遭わないポイント！～

- 登下校時間帯に注意する！
- その場から逃げる！
- 防犯ブザーを使う！
- 近くの家(子供110番の家)に逃げ込む！



～ Những điểm cần lưu ý để không bị thiệt hại ～

- Chú ý thời gian trẻ em đi học và về nhà !
- Chạy trốn khỏi nơi đó !
- Sử dụng còi phòng chống tội phạm !
- Chạy vào nhà gần đó (Nhà số 110 dành cho trẻ em) !



7

サイバー犯罪に巻き込まれないために！



【サイバー犯罪関与】

オンラインショッピングやインターネットバンキングに対する外国人組織による不正アクセスや詐欺などの事件が多発しています。

Phòng ngừa thiệt hại do tội phạm công nghệ cao
7 Để không bị vướng vào tội phạm công nghệ cao !

【Liên quan đến tội phạm công nghệ cao】

Đã có nhiều vụ việc lừa đảo, truy cập bất hợp pháp như mua bán hàng trên mạng, chuyển tiền bằng internet do tổ chức người nước ngoài thực hiện.



～犯罪に関与しないポイント！～

- 「いいアルバイトがある。」「商品を受け取って転送するだけ。」「口座から現金を引き出すだけ。」「短時間でいいお金になる。」等の甘い誘いに絶対に応じない！

～ Những điểm cần lưu ý để không bị liên quan đến tội phạm ～

- Tuyệt đối không nhận lời dụ dỗ ngọt ngào như "có việc làm thêm tốt", "chỉ cần nhận hàng rồi gửi cho người khác là được", "chỉ cần rút tiền mặt từ tài khoản ngân hàng là được", "kiếm được nhiều tiền trong thời gian ngắn" !

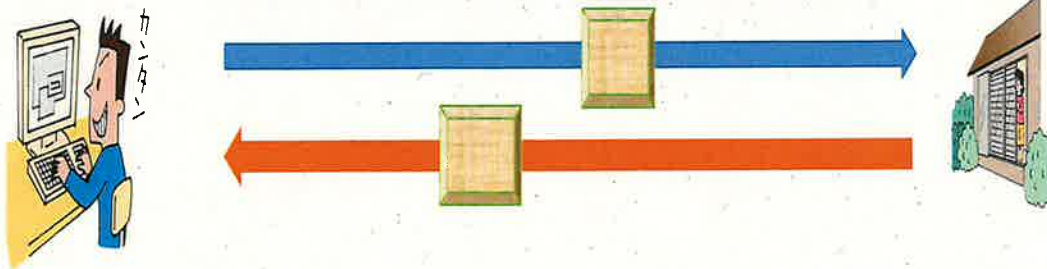
最近のサイバー犯罪の状況

オンラインショッピングやインターネットバンキングに対する外国人犯罪組織による不正アクセスや詐欺などの事件が多発しています。

犯罪組織の誘いに応じて外国人留学生がアルバイト感覚で犯罪に関与していた事件が検挙されています。

●商品の受け取り役

犯罪組織がオンラインショッピングで他人のIDを使って、注文した商品を受取人になりすまして受け取り、指定された住所へ転送する。



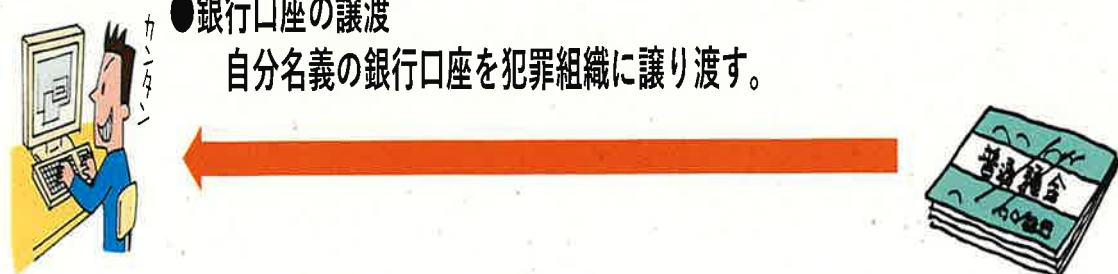
●現金引き出し役

犯罪組織から渡された他人のキャッシュカードを使って、ATMで現金を引き出す。



●銀行口座の譲渡

自分名義の銀行口座を犯罪組織に譲り渡す。

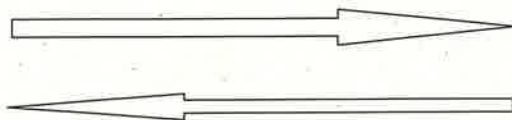


Tình hình mới nhất về tội phạm công nghệ cao

Đã có nhiều vụ việc lừa đảo, truy cập bất hợp pháp như mua bán hàng trên mạng, chuyển tiền bằng internet do tổ chức người nước ngoài thực hiện.

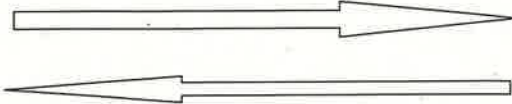
- Người có vai trò nhận hàng

Tổ chức tội phạm sử dụng tài khoản ID của người khác để đặt mua hàng trên mạng, sau khi nhận hàng xong thì chuyển hàng đó tới địa chỉ đã được chỉ định.



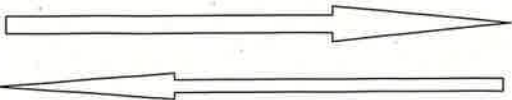
- Người có vai trò rút tiền mặt

Sử dụng thẻ ngân hàng của người khác do tổ chức tội phạm đưa cho rồi rút tiền mặt tại cây ATM.



- Việc nhượng lại tài khoản ngân hàng

Đây là việc đưa tài khoản ngân hàng của mình cho tổ chức tội phạm.



8

嘘の電話やSNSで詐欺の被害に遭わないために！



【特殊詐欺】

犯人グループが嘘の電話やSNSを送り付けて、現金などをだまし取る場合があります。

Phòng ngừa thiệt hại lừa đảo đặc biệt !

8 Để không bị lừa đảo qua điện thoại hoặc tin nhắn !

【Lừa đảo đặc biệt】

Có thể là tội phạm sẽ gọi điện thoại, nhắn tin giả mạo để lừa lấy tiền mặt !



オレオレ詐欺

電話を利用して息子、孫などを装い、「交通事故の示談金が必要」「会社の金を横領してしまった。」などとして、現金をだまし取る詐欺

架空請求詐欺

不特定多数の者に対し、「有料サイト利用料金名目」「訴訟関係費用名目」など 架空の事実を口実とした料金を請求する文書、メール等を送付するなどして、現金をだまし取る詐欺

融資保証金詐欺

資金繰りに窮した個人や中小企業者に対し、融資する意思がないにもかかわらず、ダイレクトメール、FAX、電話等を利用して融資を誘い、融資を申し込んできた者に対し、保証金等を名目に現金をだまし取る詐欺

返付金等詐欺

市職員や社会保険事務所職員等を名乗り、「医療費や年金の還付金手続」「税金の還付手続」であるかのように装って、被害者をATMまで誘導し、ATMを操作させて、自己の口座から相手方の口座へ現金を振り込ませる詐欺

Lừa đảo bằng cách đóng giả là người thân của người bị lừa

Lừa đảo bằng cách gọi điện thoại, đóng giả làm người thân như cháu của người bị lừa, nói với người bị lừa là "cần tiền để giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại do tai nạn giao thông", "đã biến thủ tiền của công ty" rồi lừa lấy tiền mặt

Lừa đảo bằng cách yêu cầu trả phí ảo

Lừa đảo rất nhiều người và không có điểm chung cố định, yêu cầu họ trả "chi phí sử dụng các trang web có thu phí", "chi phí liên quan đến tố tụng" bằng cách gửi thư v.v. rồi lừa lấy tiền mặt

Lừa đảo tiền đảm bảo vay vốn

Các cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ được vay vốn khi gặp khó khăn nhưng dù họ không gặp khó khăn thì tội phạm cũng sẽ gửi mail, fax, gọi điện thoại v.v. dụ dỗ họ vay vốn và lừa những người đã đăng ký xin vay vốn để lấy tiền đảm bảo vay vốn

Lừa đảo tiền hoàn lại

Tội phạm đóng giả làm nhân viên của cơ quan hành chính hoặc nhân viên văn phòng bảo hiểm xã hội, nói với nạn nhân là "phải làm thủ tục hoàn phí bảo hiểm y tế, tiền lương hưu", "phải làm thủ tục hoàn thuế", hướng dẫn nạn nhân đến cây ATM để nạn nhân làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của nạn nhân vào tài khoản của tội phạm

～被害に遭わないポイント！～

- 「民事訴訟最終通達書」のハガキや携帯電話に「未納料金がある」のメールは無視する！
- お金を要求された時は、まず、身近な人に相談しましょう！
- 電子マネーのID番号を教えない！
写真に撮ってメールしない！
- 特殊詐欺の最新の手口を知って、身近な人
とこまめに情報交換しよう！
- 詐欺電話撃退装置の設置、電話の留守番機能を活用する！



～Những điểm cần lưu ý để không bị thiệt hại～

- Bỏ qua những thư từ như "Giấy thông báo cuối cùng về tổ tụng dân sự", bưu thiếp, điện thoại như "vẫn còn tiền chưa nộp" !
- Khi bị đòi tiền, đầu tiên, hãy xin tư vấn từ người thân cận !
- Không cho người khác biết số tài khoản ID tiền điện tử !
Không chụp ảnh, gửi thư cho người khác !
- Cùng tìm hiểu phương pháp lừa đảo mới nhất và thường xuyên chia sẻ thông tin với người thân !
- Lắp đặt thiết bị từ chối cuộc gọi lừa đảo, sử dụng hệ thống điện thoại khi vắng nhà !

家庭に送られる架空請求のハガキ

民事訴訟最終通達書

訴訟管理番号(ら)455

本通達は貴殿に対し契約中、若しくは債権譲渡のあった企業、又は団体から契約不履行による訴状が提出されたことを当該債務者たる貴殿に通達し、本通達の後、訴訟取り下げ最終期日をもって貴殿を被告とした民事裁判が開始されることを通知するものです。

本通達に対しこのままご連絡なき場合、原告側の主張が全面的に受理され、裁判所の認可を受けた執行官立会いのもと、現預金や有価証券及び、動産や不動産の差し押さえが強制的に執行される場合があります。

また本件は民事訴訟に関する通達である為、民事訴訟法の適用により個人情報保護や守秘義務が発生致しますので、本件に関するご相談、取り下げ等のお問い合わせは必ずご本人様からご連絡をお願い致します。

訴訟取り下げ最終期日 平成 31 年 4 月 9 日

訴訟通知センター お問い合わせ・相談窓口

03 - [REDACTED] 受付時間(日、祝日は除く)

平日 9:00～20:00 / 土曜日 11:00～17:00

〒100-8977 東京都千代田区霞が関 [REDACTED]

Bưu thiếp gửi đến nhà bạn có nội dung yêu cầu trả phí ảo

Thư thông báo cuối cùng về tố tụng dân sự

Số quản lý tố tụng

Đây là thông báo về việc bạn đã bị khởi kiện vì vi phạm hợp đồng. Đoàn thể hoặc doanh nghiệp có hợp đồng với bạn hoặc doanh nghiệp đã được nhượng quyền đòi nợ đã kiện bạn. Sau thông báo này, tính từ ngày cuối cùng có quyền rút đơn kiện, phiên tòa dân sự sẽ được mở, bạn là bị đơn.

Nếu không nhận được phản hồi về thông báo này, yêu cầu bồi thường của nguyên đơn sẽ được chấp nhận. Viên chức thi hành án được tòa án cấp phép sẽ tịch thu toàn bộ tiền mặt, tiền gửi, cổ phiếu, tài sản, bất động sản của bạn bằng hình thức cưỡng chế.

Ngoài ra, đây là thông báo liên quan đến tố tụng dân sự nên theo Luật tố tụng dân sự, bạn có nghĩa vụ giữ bí mật, bảo mật thông tin cá nhân. Vì vậy nếu bạn muốn xin tư vấn, bãi kiện v.v. hãy tự liên lạc với chúng tôi.

Ngày cuối cùng rút đơn kiện Ngày ○ tháng ○ năm Reiwa 6

Trung tâm thông báo tố tụng

Liên hệ tư vấn • Quay tư vấn

03 - ○○○○ - ○○○○

Thời gian tiếp nhận (trừ chủ nhật, ngày lễ)

Ngày thường 9:00 ~ 20:00 / Thứ bảy 11:00 ~ 17:00

〒100-8977 Kasumigaseki, quận Chiyoda, Tokyo

9

今、犯罪の被害にあった。警察を
呼びたい。(緊急通報)

【110番の仕組み】



110番は **すべて警察本部通信指令課**につながります。

9

Bây giờ, tôi là nạn nhân của tội phạm.

Tôi muốn gọi cảnh sát (Thông báo khẩn cấp)

【Cơ chế số 110】

Hiện trường vụ
án, tai nạn



Số 110



Công an tỉnh Kochi

Nhanh chóng
đến hiện trường



Ban chỉ thị qua bộ đàm



Sở cảnh sát

Chỉ thị



Tiếp nhận qua số 110 - Chỉ thị
qua bộ đàm

Số 110 kết nối với toàn bộ Ban chỉ thị qua bộ đàm

110番のかけ方 6つのポイント

Cách gọi số 110

6 điểm quan trọng

あなたが話す言葉を告げる

Nói cho cảnh sát biết ngôn ngữ bạn có thể nói

① 何があったのか？

交通事故・泥棒・けんか など

① Chuyện gì đã xảy ra?

Tai nạn giao thông / Trộm cắp

Cãi nhau v.v.



② どこであったのか？

〇〇町〇番地や目立つ建物 など

② Chuyện đó xảy ra ở đâu?

Địa chỉ rõ ràng là 〇 cho 〇 banchi

hoặc tòa nhà nổi bật gần đó



③ いつあったのか？

「5分前」「たった今」など

③ Chuyện đó xảy ra khi nào?

"5 phút trước", "vừa nãy" v.v.

④ 犯人は？

人数. 人相. 年齢. 服装. 特徴. 逃げた方法・方向 など

④ Thủ phạm là?

Số người / Tướng mạo / Độ tuổi

/ Trang phục / Đặc điểm



/ Cách chạy trốn

/ Hướng chạy trốn v.v.

⑤ 今どうなっているのか？

被害の状況. 事故・事件の状況 など

⑤ Tình hình bây giờ như thế nào?

Tình hình thiệt hại, tình hình tai nạn,

vụ việc v.v.



⑥ あなたの住所・名前

電話番号. 事件・事故との関係 など

⑥ Địa chỉ, họ tên của bạn

Số điện thoại, sự liên quan đến

vụ án, tai nạn

土佐 太郎

〇〇市〇〇町



高知県警察署代表電話番号

警察総合相談電話	# 9 1 1 0
高知警察署	0 8 8 - 8 2 2 - 0 1 1 0
高知南警察署	0 8 8 - 8 3 4 - 0 1 1 0
高知東警察署	0 8 8 - 8 6 6 - 0 1 1 0
室戸警察署	0 8 8 7 - 2 2 - 0 1 1 0
安芸警察署	0 8 8 7 - 3 4 - 0 1 1 0
南国警察署	0 8 8 - 8 6 3 - 0 1 1 0
土佐警察署	0 8 8 - 8 5 2 - 0 1 1 0
佐川警察署	0 8 8 9 - 2 2 - 0 1 1 0
須崎警察署	0 8 8 9 - 4 2 - 0 1 1 0
窪川警察署	0 8 8 0 - 2 2 - 0 1 1 0
中村警察署	0 8 8 0 - 3 4 - 0 1 1 0
宿毛警察署	0 8 8 0 - 6 3 - 0 1 1 0

Số điện thoại đại diện của Sở cảnh sát tỉnh Kochi

Số điện thoại tư vấn tổng hợp của cảnh sát	# 9 1 1 0
Sở cảnh sát Kochi	0 8 8 - 8 2 2 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Kochiminami	0 8 8 - 8 3 4 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Kochihigashi	0 8 8 - 8 6 6 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Muroto	0 8 8 7 - 2 2 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Aki	0 8 8 7 - 3 4 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Nankoku	0 8 8 - 8 6 3 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Tosa	0 8 8 - 8 5 2 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Sakawa	0 8 8 9 - 2 2 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Susaki	0 8 8 9 - 4 2 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Kubokawa	0 8 8 0 - 2 2 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Nakamura	0 8 8 0 - 3 4 - 0 1 1 0
Sở cảnh sát Sukumo	0 8 8 0 - 6 3 - 0 1 1 0